

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngũ Hùng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã
của UBND xã Ngũ Hùng năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGŨ HÙNG

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán về công khai thực hiện quyết toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã; Tài chính - Kế toán, các ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Thường vụ Đảng ủy xã
- Thường trực HĐND xã;
- Như Điều 3.
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Lùng



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN NĂM 2022	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN NĂM 2022
TỔNG SỐ THU	17.000.005.382	TỔNG SỐ CHI	17.000.005.382
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.572.529.151	I. Chi đầu tư phát triển	10.102.574.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	5.467.573.200	II. Chi thường xuyên	6.370.726.858
III. Thu bổ sung	9.298.705.500	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối	2.887.547.000	IV. Chi chuyển nguồn	526.704.524
- Bổ sung có mục tiêu	6.411.158.500		
IV- Thu kết dư ngân sách	6.682.402		
V- Thu chuyển nguồn ngân sách	654.515.129		



UBND XÃ NGŨ HÙNG

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2021	13.961.778.031	17.000.005.382	121,76
I	CÁC KHOẢN THU HUỖNG 100%	825.875.000	1.572.529.151	190,41
1	Phí và lệ phí	35.000.000	42.067.000	120,19
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS			
	<i>Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công</i>	145.000.000	751.928.000	518,57
	<i>Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất</i>	610.875.000	610.875.000	
	<i>Khác</i>		0	
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	9.975.000	
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
6	Thu khác	35.000.000	157.684.151	450,53
II	CÁC KHOẢN THU HUỖNG THEO TỶ LỆ %	3.176.000.000	5.467.573.200	172,15
1	Các khoản thu phân chia	144.000.000	323.788.962	224,85
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	36.000.000	26.412.944	73,37
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	12.000.000	68.212.958	568,44
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	16.000.000	11.600.000	72,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	80.000.000	217.563.060	271,95
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	3.032.000.000	5.143.784.238	169,65
2.1	<i>Tiền cấp quyền sử dụng đất</i>	3.000.000.000	5.090.950.428	169,70
2.2	<i>Thuế GTGT, TNDN</i>	32.000.000	52.833.810	165,11
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH	654.515.129	654.515.129	100,00
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC	6.682.402	6.682.402	
V	THU BỔ SUNG CHI THUỜNG XUYÊN	9.298.705.500	9.298.705.500	100,00
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.887.547.000	2.887.547.000	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.411.158.500	6.411.158.500	100,00
3	Dự phòng ngân sách	-	-	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			QUYẾT TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH QT/TH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	13.961.778.031	7.411.623.590	6.550.154.441	17.000.005.382	10.102.574.000	6.897.431.382	121,76	136,31	105,30
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	998.489.838	500.000.000	498.489.838	998.489.838	500.000.000	498.489.838	100,00		100,00
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	331.297.960		331.297.960	331.297.960		331.297.960	100,00		100,00
	<i>Chi an ninh</i>	667.191.878	500.000.000	167.191.878	667.191.878	500.000.000	167.191.878	100,00		100,00
2	Chi sự nghiệp giáo dục	1.199.184.567	1.111.623.590	87.560.977	2.612.744.977	2.525.184.000	87.560.977	217,88		100,00
3	Chi sự nghiệp y tế	209.344.600		209.344.600	209.344.600		209.344.600	100,00		100,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	269.715.400	0	269.715.400	269.519.400	0	269.519.400	99,93		99,93
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	235.886.000		235.886.000	235.886.000		235.886.000	100,00		100,00
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	33.829.400		33.829.400	33.633.400		33.633.400	99,42		99,42
5	Chi sự nghiệp TĐTT	18.225.000		18.225.000	76.013.000	57.788.000	18.225.000	417,08		100,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	178.507.200	0	178.507.200	178.507.200	0	178.507.200	100,00		100,00
	<i>Trong đó : Chi sự nghiệp giao thông</i>	35.359.200		35.359.200	35.359.200		35.359.200	100,00		100,00
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	143.148.000		143.148.000	143.148.000		143.148.000	100,00		100,00
7	Chi sự nghiệp Môi trường	90.808.200		90.808.200	90.808.200		90.808.200	100,00		100,00
8	Chi sự nghiệp xã hội	633.474.800	0	633.474.800	630.405.800	0	630.405.800	99,52		99,52
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	406.317.300		406.317.300	403.248.300		403.248.300	99,24		99,24

	Chính sách & hoạt động phục vụ người có công với CM	173.527.500		173.527.500	173.527.500		173.527.500			
	Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác	53.630.000		53.630.000	53.630.000		53.630.000	100,00		100,00
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	10.273.543.726	5.800.000.000	4.473.543.726	11.317.277.243	7.019.602.000	4.297.675.243	110,16	121,03	96,07
	Chi hoạt động QLNN	8.573.654.651	5.800.000.000	2.773.654.651	9.679.652.468	7.019.602.000	2.660.050.468	112,90	121,03	95,90
	Chi hoạt động Đảng CSVN	854.475.170		854.475.170	819.475.170		819.475.170	95,90		95,90
	Chi hoạt động MTTQ	267.680.377		267.680.377	262.680.377		262.680.377	98,13		98,13
	Chi hoạt động Đoàn TN	178.965.456		178.965.456	173.965.456		173.965.456	97,21		97,21
	Chi hoạt động Hội PN	142.629.216		142.629.216	135.364.916		135.364.916	94,91		94,91
	Chi hoạt động Hội CCB	111.662.172		111.662.172	106.662.172		106.662.172	95,52		95,52
	Chi hoạt động Hội ND	144.476.684		144.476.684	139.476.684		139.476.684	96,54		96,54
10	Chi khác	90.484.700		90.484.700	90.190.600		90.190.600	99,67		99,67
11	Chi chuyển nguồn sang năm 2023				526.704.524		526.704.524			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		47.434.115	0	4.331.846	10.102.574	10.102.574	10.102.574	
1. Công trình chuyển tiếp		37.727.011	0	0	9.002.574	9.002.574	9.002.574	
Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cụ Trì, xã Ngũ Hùng	2020-2021	5.416.138			500.000	500.000	500.000	
Dự án: Nâng tầng 2,3 và mái chống nóng Nhà làm việc Trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Ngũ Hùng	2018-2019	4.958.818			3.287.003	3.287.003	3.287.003	
Dự án: Xây dựng các hạng mục phụ trợ UBND xã Ngũ Hùng	2019-2020	4.914.932			3.058.300	3.058.300	3.058.300	
Dự án: Nhà làm việc 2 tầng móng 4 tầng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Ngũ Hùng	2017-2018	6.196.821			174.299	174.299	174.299	
Dự án: Nâng tầng 2 Nhà lớp học 1 phòng trường Tiểu học xã Ngũ Hùng	2018-2018	567.792			132.995	132.995	132.995	
Dự án: Xây mới kè ao bơi xã Ngũ Hùng	2019-2019	1.117.199			57.788	57.788	57.788	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		47.434.115	0	4.331.846	10.102.574	10.102.574	10.102.574	
Dự án: Cải tạo Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Ngũ Hùng	2018-2018	2.198.819			114.242	114.242	114.242	
Dự án: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và phụ trợ trường MN Ngũ Hùng	2020-2020	12.356.492			1.677.947	1.677.947	1.677.947	
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>								
2. Công trình khởi công mới		9.707.104	0	4.331.846	1.100.000	1.100.000	1.100.000	
Dự án: Nhà làm việc công an xã Ngũ Hùng (Móng 3 tầng)	2022-2023	5.676.770		563.791	500.000	500.000	500.000	
Dự án: Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Ngũ Hùng	2022-2022	875.360		823.758	146.883	146.883	146.883	
Dự án: Cải tạo Sân trường Tiểu học Ngũ Hùng	2022-2022	1.091.493		1.003.434	153.117	153.117	153.117	
Dự án: Cải tạo Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Ngũ Hùng	2022-2022	859.852		809.189	100.000	100.000	100.000	
Dự án: Cải tạo Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, phòng vệ sinh, sân vườn Trường MN Ngũ Hùng	2022-2022	1.203.629		1.131.674	200.000	200.000	200.000	
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>		<i>4.030.334</i>	<i>0</i>	<i>3.768.055</i>	<i>600.000</i>	<i>600.000</i>	<i>600.000</i>	
Dự án: Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Ngũ Hùng	2022-2022	875.360		823.758	146.883	146.883	146.883	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
TỔNG SỐ		47.434.115	0	4.331.846	10.102.574	10.102.574	10.102.574	
Dự án: Cải tạo Sân trường Tiểu học Ngũ Hùng	2022-2022	1.091.493		1.003.434	153.117	153.117	153.117	
Dự án: Cải tạo Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Ngũ Hùng	2022-2022	859.852		809.189	100.000	100.000	100.000	
Dự án: Cải tạo Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, phòng vệ sinh, sân vườn Trường MN Ngũ Hùng	2022-2022	1.203.629		1.131.674	200.000	200.000	200.000	



PHỤ LỤC 4

HỆ THỐNG MẪU BIỂU CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ NGŨ HÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI	
4. Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn	
Biểu số 116/CK TC-NSNN:	Cân đối ngân sách xã năm 2022
Biểu số 117/CK TC-NSNN:	Quyết toán thu ngân sách xã năm 2022
Biểu số 118/CK TC-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách xã năm 2022
Biểu số 119/CK TC-NSNN:	Quyết toán chi đầu tư phát triển năm 2022
PHẦN 02: QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI	
QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	Quyết định về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách xã Ngũ Hùng năm 2022